

Số: **76/2023/QĐST-HNGĐ**

Đông Hưng, ngày 05 tháng 5 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213, Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81,82,83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2023, về việc công nhận thuận tình L hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

-Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1- Anh Đào Văn T, sinh năm 1981

HKTT: Thôn Long Bối, xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Tạm trú: Ngõ 44, phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

2- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Long Bối, xã Đông Hợp huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/01/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Đông Hợp, Đông Hưng, Thái Bình.

Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn: Anh T khai do vợ chồng sống không hợp tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, mặt khác do cô L quản lý kinh tế quá chặt, anh T đi làm về đưa hết lương cho vợ, nhưng khi cần chi tiêu thì cô L không đưa, khi có bạn bè muốn uống cốc bia bảo cô đưa cho 200.000 đồng cô cũng không đưa. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi và cô L đã thống nhất thuận tình L hôn.

Chị L khai nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình và trong tình cảm vợ chồng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi và anh T đã thống nhất thuận tình L hôn.

Anh T và chị L xác nhận: Vợ chồng đã sống L thân từ ngày 11/4/2022 đến nay.

Nay anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị L đều thuận tình L hôn.

Xét thấy vợ chồng anh T và chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nay anh T và chị L đều tự nguyện thuận tình L hôn. Do đó, Toà án công nhận sự thuận tình L hôn của anh T và chị L.

[2] Về quan hệ con chung:

Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị L có hai con chung là Đào Thị Thanh H sinh ngày 10/7/2007 và Đào Ngọc T, sinh ngày 03/4/2014.

L hôn anh T và chị L thống nhất: Anh T nuôi con Đào Thị Thanh H, sinh ngày 10/7/2007, chị L nuôi dưỡng con chung Đào Ngọc T, sinh ngày 03/4/2014, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T khai: Anh làm nghề thợ xây thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/1 tháng, việc anh nuôi con Huyền có sự hỗ trợ của ông bà nội trong việc chăm sóc các cháu. Việc anh T nuôi con đảm bảo.

Chị L khai: Chị L làm công nhân thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/1 tháng, việc nuôi con đảm bảo.

Xét thấy sự thoả thuận của anh T và chị L là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Toà án công nhận sự thoả thuận của anh T và chị L.

[3] Về quan hệ tài sản, công sức:

Anh T và chị L tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí:

Anh T và chị L thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình L hôn. Anh T và chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003196 ngày 26/4/2023 tại chi Cục thi hành án dân sự.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình L hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình L hôn giữa anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị L.

+ Về con chung:

Anh T nuôi con Đào Thị Thanh H, sinh ngày 10/7/2007, chị L nuôi dưỡng con chung Đào Ngọc T, sinh ngày 03/4/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T, chị L có quyền đi lại chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

+ Về quan hệ tài sản, công sức:

Anh T và chị L tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về lệ phí Toà án:

Anh T và chị L mỗi người chịu 150.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng anh T và chị L đã nộp tạm ứng lệ phí (biên lai số 0003196 ngày 26/4/2023) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng sang thi hành phần lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND huyện Đông Hưng.
- VKSND tỉnh Thái Bình.
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng.
- UBND xã Đông Hợp.
- Lưu HS-VP

THẨM PHÁN

Đã ký

Bùi Tiến Hưng

